



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

(Kèm theo quyết định số: /QĐ-VPCNCLQG ngày tháng 7 năm 2026
của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia)

TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN/Organisation

Tiếng Việt/ in Vietnamese: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KHẢO SÁT KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG
TRƯỜNG SƠN

Tiếng Anh/ in English: TRUONG SON CONSTRUCTION VERIFY SURVEY CONSULTANT
JOINT STOCK COMPANY

SỐ HIỆU CÔNG NHẬN/ Accreditation Number: VICAS 136 - PRO

ĐỊA CHỈ ĐƯỢC CÔNG NHẬN/Location Covered by Accreditation

Trụ sở chính/Head office: 195/22 Nguyễn Văn Thương, phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh,
Việt Nam

No. 195/22 Nguyen Van Thuong, Thanh My Tay Ward, Ho Chi Minh City,
Vietnam

Chi nhánh/Branch office: Số 30, đường số 2, khu phố 4, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh,
Việt Nam

No. 30 Road No. 2, Residential Group No. 4, Hiep Binh Ward, Ho Chi Minh City,
Vietnam

Tel: 0908 274 661

Email: kiemdinhtruongson@tscsc.vn

Website: <https://tscsc.vn>

CHUẨN MỰC CÔNG NHẬN/Accreditation Standards

ISO/IEC 17065:2012: Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm, quá trình,
dịch vụ/Conformity assessment – Requirements for bodies certifying products, processes and services.

HIỆU LỰC CÔNG NHẬN/Accreditation period

Từ/ from /7/2026 đến/ to /7/2031



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

PHẠM VI ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Scope of Accreditation

Chứng nhận sản phẩm cho các phạm vi sau/Product certification for the following scopes:

Sản phẩm khoáng phi kim, sản phẩm bê tông, xi măng, vôi, vữa, .../Non-metallic mineral products; Concrete, cement, lime, plaster, etc.

STT No.	Tên sản phẩm Name of product	Chuẩn mực chứng nhận Certification criteria	Thủ tục chứng nhận Certification procedure	Phương thức chứng nhận Type of certification scheme
1.	Cát tự nhiên cho bê tông và vữa Aggregates for concrete and mortar	QCVN 16:2023/BXD	TS.04-1 TS.12-4	Phương thức 5; Phương thức 7
2.	Đá ốp lát nhân tạo/Artificial stone slabs base on organic binders		TS.04-2	Phương thức 7
3.	Đá ốp lát tự nhiên Natural stone facing slabs		TS.04-3	Phương thức 7
4.	Gạch gốm ốp lát Ceramic floor and wall tiles		TS.04-4	Phương thức 7
5.	Gạch bê tông Concrete bricks		TS.12-1	Phương thức 5
6.	Gạch đất sét nung Clay bricks		TS.12-2	Phương thức 5
7.	Ngói lợp/Clay roofing tiles, Glazed ceramic roof tiles		TS.12-3	Phương thức 5
8.	Xi măng poóc lăng, Xi măng poóc lăng hỗn hợp, Xi măng poóc lăng bền sun phát/Portland cement, Portland cement Blended, Sulfat resistant portland cement	QCVN 16:2023/BXD TCVN 6067:2018 TCVN 6260:2020	TS.12-6	Phương thức 5

Sản phẩm gỗ, giấy/Wood and paper products

STT No.	Tên sản phẩm Name of product	Chuẩn mực chứng nhận Certification criteria	Thủ tục chứng nhận Certification procedure	Phương thức chứng nhận Type of certification scheme
1.	Ván gỗ nhân tạo Wood-based panels	QCVN 16:2023/BXD	TS.04-5	Phương thức 7



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

Sản phẩm hóa/Chemical products

STT No.	Tên sản phẩm Name of product	Chuẩn mực chứng nhận Certification criteria	Thủ tục chứng nhận Certification procedure	Phương thức chứng nhận Type of certification scheme
1.	Sơn tường dạng nhũ tương Wall emulsion paints	QCVN 16:2023/BXD	TS.12-5	Phương thức 7

Ghi chú/Note: Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Kiểm định Xây dựng Trường Sơn phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/*Truong Son Construction Verify Survey Consultant Joint Stock Company must register its operations and obtain the registration certificate according to the law before providing certification services.*

7/6

1/8